

Số: /TB-XHNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

## THÔNG BÁO

### Tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ người nước ngoài năm 2024

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1080/QĐ-ĐHQGHN ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế tạm thời về công tác tuyển sinh sau đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 589/HD-ĐHQGHN ngày 01 tháng 03 năm 2024 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Thực hiện công tác tuyển sinh sau đại học năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 5292/QĐ-ĐHQGHN ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý và thu hút người nước ngoài học tập ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội thông báo tuyển sinh sau đại học năm 2024 đối với đối tượng người nước ngoài theo các nội dung sau:

#### I. Các ngành học tuyển sinh:

##### A. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ:

TT	Chương trình đào tạo	Định hướng	Mã số	Ghi chú
1	Báo chí học	Nghiên cứu	8320101	
2	Báo chí học	Ứng dụng	8320101	
3	Quản trị báo chí truyền thông	Ứng dụng	8320109	
4	Chính trị học	Nghiên cứu	8310201	
5	Chính trị học	Ứng dụng	8310201	
6	Du lịch	Nghiên cứu	8810101	
7	Châu Á học	Nghiên cứu	8310608	Ngành Đông phương học
8	Nhật Bản học	Nghiên cứu	8310613	
9	Khoa học quản lý	Nghiên cứu	8340401	
10	Quản lý Khoa học và Công nghệ	Nghiên cứu	8340412	
11	Quản lý Khoa học và Công nghệ	Ứng dụng	8340412	
12	Chính sách công	Nghiên cứu	8340402	
13	Lịch sử	Nghiên cứu	8229010	
14	Quản lý văn hóa	Nghiên cứu	8319042	
15	Văn hóa học	Nghiên cứu	8229040	

<b>TT</b>	<b>Chương trình đào tạo</b>	<b>Định hướng</b>	<b>Mã số</b>	<b>Ghi chú</b>
16	Lưu trữ học	Nghiên cứu	8320303	
17	Lưu trữ học	Ứng dụng	8320303	
18	Quản trị văn phòng	Nghiên cứu	8340406	
19	Quản trị văn phòng	Ứng dụng	8340406	
20	Ngôn ngữ học	Nghiên cứu	8229020	
21	Nhân học	Nghiên cứu	8310302	
22	Quốc tế học	Nghiên cứu	8310601	Ngành Quan hệ quốc tế
23	Tâm lý học	Nghiên cứu	8310401	
24	Tâm lý học lâm sàng	Ứng dụng	8310402	
25	Khoa học Thông tin - Thư viện	Nghiên cứu	8320201	
26	Khoa học Thông tin - Thư viện	Ứng dụng	8320201	
27	Triết học	Nghiên cứu	8229001	
28	Văn học	Nghiên cứu	8229030	
29	Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình	Nghiên cứu	8210231	
30	Hán Nôm	Nghiên cứu	8220104	
31	Công tác xã hội	Nghiên cứu	8760101	
32	Công tác xã hội	Ứng dụng	8760101	
33	Xã hội học	Nghiên cứu	8310301	
34	Việt Nam học	Nghiên cứu	8310630	
35	Tôn giáo học	Nghiên cứu	8229009	
36	Tôn giáo học	Ứng dụng	8229009	

### **B. TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ:**

<b>TT</b>	<b>Chương trình đào tạo</b>	<b>Mã số</b>	<b>Ngành</b>
1	Báo chí học	9320101	Báo chí học
2	Chính trị học	9310201	Chính trị học
3	Công tác xã hội	9760101	Công tác xã hội
4	Du lịch	9810101	Du lịch
5	Đông Nam Á học	9310608.02	Đông phương học
6	Trung Quốc học	9310608.01	
7	Hán Nôm	9220104	Hán Nôm
8	Khoa học Thông tin - Thư viện	9320201	Khoa học Thông tin - Thư viện
9	Lịch sử Việt Nam	9229010.05	Lịch sử
10	Lịch sử sử học và sử liệu học	9229010.04	
11	Lịch sử thế giới	9229010.03	
12	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	9229010.02	
13	Khảo cổ học	9229010.01	
14	Lưu trữ học	9320303	Lưu trữ học
15	Nhật Bản học	9310613	Nhật Bản học
16	Nhân học	9310302	Nhân học

17	Ngôn ngữ học	9229020.01	Ngôn ngữ học
18	Ngôn ngữ Việt Nam	9229020.04	
19	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam	9229020.02	
20	Ngôn ngữ học so sánh - đối chiếu	9229020.03	
21	Quản lí Khoa học và Công nghệ	9340412	Quản lí Khoa học và Công nghệ
22	Quốc tế học	9310601	Quốc tế học
23	Tâm lý học	9310401	Tâm lý học
24	Tôn giáo học	9229009	Tôn giáo học
25	Triết học	9229001	Triết học
26	Lý luận văn học	9229030.01	Văn học
27	Văn học Việt Nam	9229030.04	
28	Văn học nước ngoài	9229030.03	
29	Văn học dân gian	9229030.02	
30	Xã hội học	9310301	Xã hội học

## II. Điều kiện dự tuyển đào tạo

1. Có đủ trình độ và năng lực học vấn, chuyên môn đáp ứng các yêu cầu học tập, nghiên cứu của chương trình đào tạo theo từng trình độ:

a) Đối với trình độ thạc sĩ: Tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp (đối với chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu) và đáp ứng yêu cầu tuyển sinh khác của đơn vị đào tạo đối với chương trình dự tuyển;

b) Đối với trình độ tiến sĩ: Tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo tiến sĩ, đáp ứng các điều kiện về kinh nghiệm nghiên cứu, công bố khoa học, đề cương nghiên cứu, thư giới thiệu và các yêu cầu tuyển sinh khác của đơn vị đào tạo đối với chương trình dự tuyển;

c) Có đủ trình độ tiếng Việt đáp ứng theo yêu cầu học tập, nghiên cứu của chương trình đào tạo.

d) Có đủ sức khỏe để học tập, nghiên cứu được các cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận.

e) Có đủ khả năng về tài chính đảm bảo học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam trong thời gian học tập tương ứng.

f) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, không vi phạm pháp luật của Việt Nam và nước sở tại.

g) Hoàn thành khóa học bổ túc kiến thức trước khi nộp hồ sơ.

## III. Phương thức và thời gian tuyển sinh

### 1. Phương thức nộp hồ sơ và yêu cầu hồ sơ đăng kí dự tuyển:

**1.1. Hình thức nộp hồ sơ: Sinh viên quốc tế nộp hồ sơ bản mềm qua email: [study@uss.edu.vn](mailto:study@uss.edu.vn) và hồ sơ bản cứng qua địa chỉ: Phòng Đào tạo – Bộ phận Đào tạo Quốc tế, Phòng 207 nhà E, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Thanh Xuân Trung, Hà Nội, Việt Nam.**

**1.2. Yêu cầu về hồ sơ:**

- Đơn đăng kí theo mẫu
  - Bản sao công chứng và dịch thuật sang tiếng Anh hoặc tiếng Việt bằng tốt nghiệp và bảng điểm cử nhân (đối với trình độ thạc sĩ). Đối với các văn bằng được cấp ngoài lãnh thổ Việt Nam cần có hợp pháp hóa lãnh sự.
  - Bản sao công chứng và dịch thuật sang tiếng Anh hoặc tiếng Việt bằng tốt nghiệp và bảng điểm thạc sĩ (đối với trình độ tiến sĩ). Đối với các văn bằng được cấp ngoài lãnh thổ Việt Nam cần có hợp pháp hóa lãnh sự.
  - Bản sao công chứng chứng nhận hoàn thành khóa học Bổ túc kiến thức (nếu thí sinh phải học)
  - Đối với hồ sơ nộp xét tuyển bậc tiến sĩ: cần nộp đề cương nghiên cứu viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh, nghiên cứu trong chương trình và tối thiểu 01 công bố khoa học (nếu thuộc đối tượng được quy định tại Quy chế đào tạo tiến sĩ hiện hành của ĐHQGHN). Công bố khoa học có thể là bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc báo cáo khoa học đăng trong kỷ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận; thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ;
  - Bản sao công chứng chứng chỉ tiếng Việt đạt trình độ tối thiểu bậc 4 theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận hoặc đã tốt nghiệp đại học hoặc trình độ tương đương trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt. ***Tham khảo phụ lục 3 – Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Việt được công nhận trong tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ tại ĐHQGHN.***
  - Kế hoạch học tập
  - Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo hoặc cơ sở y tế cấp tỉnh, thành phố hoặc Trung ương của Việt Nam chứng nhận đủ sức khỏe để học tập được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
  - Bản sao giấy tờ minh chứng về tài chính đảm bảo cho học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam.
  - Bản sao hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam hoặc ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam.
  - Ảnh 4x6
- (Cần phải nộp 03 bộ hồ sơ đối với bậc thạc sĩ và 05 bộ hồ sơ đối với bậc tiến sĩ)*

**1.3. Thời gian tổ chức xét hồ sơ và thông báo kết quả:**

<b>Công việc</b>	<b>Thời gian</b>
Thời gian đăng kí và nộp hồ sơ	Đợt 1: từ khi thông báo tuyển sinh đến 17h00 ngày 31/05/2024 Đợt 2: từ 8h00 ngày 01/06/2024 đến 17h00 ngày 01/09/2024
Thời gian xét hồ sơ	Đợt 1: Trước ngày 15/06/2024 Đợt 2: Trước ngày 15/09/2024
Thời gian thông báo kết quả	Đợt 1: dự kiến trước ngày 30/06/2024 Đợt 2: dự kiến trước ngày 30/09/2024

**IV. Kế hoạch học tập****1. Thời gian nhập học:**

Dự kiến đợt 1 vào khoảng tháng 7 năm 2024 và đợt 2 vào khoảng tháng 11 năm 2024

**2. Thời gian đào tạo:**

- Thời gian chuẩn đào tạo trình độ thạc sĩ: 02 năm
- Thời gian chuẩn đào tạo trình độ tiến sĩ: 03 năm

Thí sinh trúng tuyển sẽ được chính thức công nhận là học viên cao học và nghiên cứu sinh sau khi hoàn thành thủ tục nhập học và thủ tục học phí.

**C. THÔNG TIN VỀ HỌC PHÍ**

*(Căn cứ Quyết định số 2440/QĐ-XHNV ngày 07/07/2023 về việc quy định mức thu học phí các hệ, bậc đào tạo cho người nước ngoài)*

1.1 Học phí trình độ thạc sĩ: 67.500.000đ/năm/HV

1.2. Học phí trình độ tiến sĩ: 90.000.000đ/năm/HV

**D. THÔNG TIN LIÊN HỆ VÀ HỖ TRỢ THÍ SINH**

**Phòng Đào tạo – Bộ phận Đào tạo quốc tế (phòng 207 nhà E), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội.**

Email liên hệ: [study@ussh.edu.vn](mailto:study@ussh.edu.vn)

Trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Các Khoa/Bộ môn (đề p/h);
- Các cơ quan/đơn vị;
- Các thí sinh;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS Đặng Thị Thu Hương**

**Phụ lục 1: DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG/PHÙ HỢP, YÊU CẦU THÂM NIÊN, BỔ TÚC KIẾN THỨC ĐĂNG KÍ DỰ TUYỂN THẠC SĨ**

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
1	8320101	Báo chí học (định hướng nghiên cứu)	Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Báo chí (Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng	+ Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa Việt Nam; Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa nước ngoài; Xã hội học và Nhân học; Thông tin – thư viện; Xuất bản – Phát hành; Cụ thể: <i>Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Ngôn ngữ Jrai, Ngôn ngữ Khmer, Ngôn ngữ H'mong, Ngôn ngữ Chăm, Sáng tác văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả-rập, Thông tin - Thư viện, Quản lý thông tin, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm</i>  + Các ngành: Văn học, Sư phạm Ngữ Văn, Ngôn ngữ học, Chính trị học, Quốc tế học, Lịch sử, Triết học, Luật, Khoa học quản lý, Tâm lý học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Kinh tế số, Quan hệ quốc tế, Đạo diễn sân khấu; Đạo diễn điện ảnh, truyền hình; Quay phim; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Biên kịch điện ảnh, truyền hình; Thiết kế đồ họa, Marketing, Kinh	- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	- Người tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên tại cột (3) và (4) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.  - Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (3) và (4) phải có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực Báo chí học.	<b>4 môn/ 12 tín chỉ</b>  1. Lý luận Báo chí truyền thông 2. Thẻ loại Báo chí truyền thông 3. Loại hình Báo chí truyền thông 4. Lao động nhà báo và cơ quan báo chí

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/ công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
				tê chính trị, Lưu trữ học.			
2	8320101	Báo chí học (định hướng ứng dụng)	Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Báo chí (Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng	+ Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa nước ngoài, Xã hội học và Nhân học, Thông tin – thư viện, Xuất bản – Phát hành; Cụ thể: <i>Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Ngôn ngữ Jrai, Ngôn ngữ Khmer, Ngôn ngữ H'mong, Ngôn ngữ Chăm, Sáng tác văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả-rập, Thông</i>	- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) và (4) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.	<b>4 môn/ 12 tín chỉ</b>  1. Lý luận Báo chí truyền thông 2. Thể loại Báo chí truyền thông 3. Loại hình Báo chí truyền thông 4. Lao động nhà báo và cơ quan báo chí

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/ công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
				<p><i>tin - Thư viện, Quản lý thông tin, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm</i></p> <p>+ Các ngành: Văn học, Sư phạm Ngữ Văn, Ngôn ngữ học, Chính trị học, Quốc tế học, Lịch sử, Triết học, Luật, Khoa học quản lý, Tâm lý học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Kinh tế số, Quan hệ quốc tế, Đạo diễn sân khấu; Đạo diễn điện ảnh, truyền hình; Quay phim; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Biên kịch điện ảnh, truyền hình; Thiết kế đồ họa, Marketing, Kinh tế chính trị, Lưu trữ học.</p>			
3	8310608.01	Châu Á học	Gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Đông phương học: Đông phương học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Việt Nam học	<p>+ Ngành trong nhóm ngành: Xã hội học và Nhân học;</p> <p>+ Ngành: Hán Nôm, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Ả rập, Sư phạm Tiếng Nhật, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Hàn Quốc, Sư phạm Tiếng Anh.</p>	<p>- Ngành phù hợp 3: Báo chí và truyền thông, Triết học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Chính trị học, Quan hệ quốc tế, Địa lý học, Sư phạm Địa lý, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Lịch sử - Địa lý.</p> <p>- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo</p>	<p>- Người tốt nghiệp đại học từ loại Khá trở lên tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.</p> <p>- Người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá tại cột (3) và người tốt nghiệp tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi) và công bố khoa học liên</p>	<p><b>Đối tượng cột (4):</b> <b>3 môn/9 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lịch sử phương Đông</li> <li>Văn hóa – văn minh phương Đông</li> <li>Khu vực học đại cương</li> </ol> <p><b>Đối tượng cột (5):</b> <b>5 môn/15 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lịch sử phương Đông</li> <li>Văn hóa – văn minh phương Đông</li> <li>Khu vực học đại cương</li> <li>Quan hệ Đông Bắc Á</li> <li>Quan hệ Đông Nam Á và Nam Á</li> </ol>



TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/ công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
					đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.	
4	8340402	Chính sách công	Khoa học quản lí, Chính trị học, Luật	<p>+ Ngành trong nhóm ngành: Xã hội và nhân học, Tâm lí học, nhóm ngành Khác của lĩnh vực Nhân văn; Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học</i></p> <p>+ Ngành: Triết học, Lịch sử, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Báo chí, Quản lí văn hóa, Quản trị văn phòng, Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Quản lí nhà nước, Quản trị nhân lực, Công tác xã hội, Quản lí nhà nước về an ninh trật tự.</p>	Tất cả các ngành còn lại	<p>- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) và (5) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).</p>	<p><b>Đối tượng cột (4): 4 môn/12 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khoa học chính sách</li> <li>2. Khoa học chính sách</li> <li>3. Chính trị học đại cương</li> <li>4. Lý luận về nhà nước và pháp luật</li> </ol> <p><b>Đối tượng cột (5): 5 môn/15 tín chỉ:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khoa học quản lí đại cương</li> <li>2. Khoa học chính sách</li> <li>3. Chính trị học đại cương</li> <li>4. Lý luận về nhà nước và pháp luật</li> <li>5. Khoa học tổ chức</li> </ol>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
5	8310201	Chính trị học	Chính trị học, Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế	Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Triết học, Lịch sử, Văn hóa học, Kinh tế, Kinh tế quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Luật, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự, Tư tưởng Hồ Chí Minh.	Tất cả các ngành khác	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	<p><b>Đối tượng cột (4)</b> 5 môn/15 tín chỉ</p> <p><b>Các học phần bắt buộc (09 tín chỉ)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chính trị học đại cương</li> <li>2. Lịch sử học thuyết chính trị</li> <li>3. Đảng chính trị</li> </ol> <p><b>Các học phần tự chọn (06 tín chỉ)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>4. Quyền lực chính trị</li> <li>5. Nhập môn Hồ Chí Minh học</li> <li>6. Chính sách đối ngoại của Việt Nam</li> <li>7. Chính trị và truyền thông</li> <li>8. Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam</li> <li>9. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam</li> <li>10. Nhập môn chính trị quốc tế</li> <li>11. Văn hóa chính trị Việt Nam</li> </ol> <p><b>Đối tượng cột (5)</b> 4 môn/25 tín chỉ</p> <p><b>Các học phần bắt buộc (09 tín chỉ)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chính trị học đại cương</li> <li>2. Lịch sử học thuyết chính trị</li> <li>3. Đảng chính trị</li> <li>4. Nhập môn chính trị quốc tế</li> <li>5. Chính trị và Truyền thông</li> </ol> <p><b>Các học phần tự chọn (06 tín chỉ)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>6. Quyền lực chính trị</li> </ol>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							7. Nhập môn Hồ Chí Minh học 8. Chính trị Việt Nam thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội 9. Chính sách đối ngoại của Việt Nam 10. Chính sách công của Việt Nam 11. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam 12. Phương pháp viết bài luận và thuyết trình về chính trị 13. Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam 14. Văn hóa chính trị Việt Nam 15. Chính sách đối ngoại của các nước lớn 16. Chính trị Việt Nam – Những vấn đề cơ bản 17. Mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị 18. Hệ thống chính trị Việt Nam

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
6	8310201	Chính trị học (định hướng ứng dụng)	Chính trị học, Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế	Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Triết học, Lịch sử, Văn hóa học, Kinh tế, Kinh tế quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Luật, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự, Tư tưởng Hồ Chí Minh.	Tất cả các ngành khác	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	<p><b>Đối tượng cột (4)</b> 5 môn/15 tín chỉ</p> <p><b>Các học phần bắt buộc (09 tín chỉ)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chính trị học đại cương</li> <li>Lịch sử học thuyết chính trị</li> <li>Đảng chính trị</li> </ol> <p><b>Các học phần tự chọn (06 tín chỉ)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Quyền lực chính trị</li> <li>Nhập môn Hồ Chí Minh học</li> <li>Chính sách đối ngoại của Việt Nam</li> <li>Chính trị và truyền thông</li> <li>Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam</li> <li>Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam</li> <li>Nhập môn chính trị quốc tế</li> <li>Văn hóa chính trị Việt Nam</li> </ol> <p><b>Đối tượng cột (5)</b> 4 môn/25 tín chỉ</p> <p><b>Các học phần bắt buộc (09 tín chỉ)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chính trị học đại cương</li> <li>Lịch sử học thuyết chính trị</li> <li>Đảng chính trị</li> <li>Nhập môn chính trị quốc tế</li> <li>Chính trị và Truyền thông</li> </ol> <p><b>Các học phần tự chọn (06 tín chỉ)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Quyền lực chính trị</li> </ol>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/ công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							7. Nhập môn Hồ Chí Minh học 8. Chính trị Việt Nam thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội 9. Chính sách đối ngoại của Việt Nam 10. Chính sách công của Việt Nam 11. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam 12. Phương pháp viết bài luận và thuyết trình về chính trị 13. Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam 14. Văn hóa chính trị Việt Nam 15. Chính sách đối ngoại của các nước lớn 16. Chính trị Việt Nam – Những vấn đề cơ bản 17. Môi quan hệ giữa tôn giáo và chính trị 18. Hệ thống chính trị Việt Nam
7	8760101	Công tác xã hội (định hướng nghiên cứu)	Gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Công tác xã hội: Công tác xã hội, Công tác thanh thiếu niên, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	+ Các ngành trong nhóm ngành Xã hội học và Nhân học, Tâm lý học, Quản trị- Quản lý, Báo chí – Truyền thông, Khoa học Giáo dục; Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại</i>	- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác đối với người tốt nghiệp cột (3) (4)	<b>5 môn/15 tín chỉ</b> 1. Nhập môn Công tác xã hội và An sinh xã hội 2. Hành vi con người và môi trường xã hội 3. Công tác xã hội cá nhân 4. Công tác xã hội nhóm 5. Phát triển cộng đồng

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
				<p><i>chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Giáo dục học, Công nghệ giáo dục, Quản lý giáo dục.</i></p> <p>+ Các ngành: Triết học, Tôn giáo học, Lịch sử, Văn hóa học, Gia đình học, Chính trị học, Đông Phương học, Giáo dục đặc biệt, Giới và Phát triển, Quản lý dự án, Luật, Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam Y tế công cộng, Điều dưỡng, Y học dự phòng.</p>	<p>của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p>		
8	8760101	Công tác xã hội (định hướng ứng dụng)	Gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Công tác xã hội: Công tác xã hội, Công tác thanh thiếu niên, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	<p>+ Ngành trong nhóm ngành: Xã hội học và Nhân học, Tâm lý học, Báo chí – Truyền thông, Khoa học Giáo dục, Quản trị-Quản lý; Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Giáo dục học, Công nghệ giáo dục, Quản lý giáo dục</i></p> <p>+ Ngành: Giới và Phát triển; Chính trị học; Đông phương học; Triết học; Luật; Lịch sử; Y tế công cộng; Gia đình học; Quản lý dự án; Văn hóa học; Tôn giáo học; Văn hóa các dân tộc thiểu số VN; Điều dưỡng; Y học dự phòng.</p>	<p>Tất cả những người có bằng đại học ngành khác.</p>	<p>- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) (4) không yêu cầu kinh nghiệm công tác.</p> <p>- Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi.</p>	<p><b>- Đối tượng cột (4): 5 môn/15 tín chỉ.</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhập môn Công tác xã hội và An sinh xã hội</li> <li>2. Hành vi con người và môi trường xã hội</li> <li>3. Công tác xã hội cá nhân</li> <li>4. Công tác xã hội nhóm</li> <li>5. Phát triển cộng đồng</li> </ol> <p><b>- Đối tượng cột (5): 7 môn/21 tín chỉ.</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhập môn Công tác xã hội và An sinh xã hội</li> <li>2. Hành vi con người và môi trường xã hội</li> <li>3. Phương pháp nghiên cứu công tác xã hội</li> <li>4. Công tác xã hội cá nhân</li> <li>5. Công tác xã hội nhóm</li> <li>6. Phát triển cộng đồng</li> <li>7. Lý thuyết công tác xã hội</li> </ol>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
9	8810101	Du lịch	Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống.	+ Ngành thuộc nhóm ngành: Du lịch, Khách sạn – nhà hàng, Địa lý học, Khu vực học, Kinh doanh, Kinh tế học, Quản trị - Quản lý, Xã hội học và nhân học, Báo chí và truyền thông; Cụ thể: <i>Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Địa lý học, Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Kinh tế số, Luật kinh tế, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Xã hội học, Nhân học, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng.</i> + Ngành: Lịch sử Việt Nam, Văn hóa học, Quản lý văn hóa ;	Tất cả những người có bằng đại học ngành khác.	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). - Người tốt nghiệp đại học tại cột (5) phải có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	<p><b>- Đối tượng cột (4): 4 môn/12 tín chỉ.</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quản trị kinh doanh khách sạn</li> <li>2. Quản trị kinh doanh lữ hành</li> <li>3. Tổng quan sự kiện</li> <li>4. Kinh doanh dịch vụ bổ sung</li> </ol> <p><b>- Đối tượng cột (5): 5 môn/15 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhập môn du lịch</li> <li>2. Quản trị kinh doanh khách sạn</li> <li>3. Quản trị kinh doanh lữ hành</li> <li>4. Tổng quan sự kiện</li> <li>5. Kinh doanh dịch vụ bổ sung</li> </ol>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
10	8220104	Hán Nôm (định hướng nghiên cứu)	Hán Nôm	Ngôn ngữ Trung Quốc, Trung Quốc học, Sư phạm tiếng Trung Quốc.	Không tuyển	Có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp từ loại Khá trở lên hoặc có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.	<b>8 môn/25 tín chỉ</b> 1. Văn tự học Hán Nôm 2. Ngữ pháp văn ngôn 3. Tứ thư 1 (Luận ngữ - Mạnh Tử) 4. Tứ thư 2 (Đại học – Trung dung) 5. Ngũ kinh 1 (Thi – Thư) 6. Ngũ kinh 2 (Lễ - Dịch – Xuân Thu Tả truyện) 7. Hán văn Việt Nam thế kỷ X – XX 8. Chữ Nôm
11	8340401	Khoa học quản lí	Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Khoa học quản lí. Cụ thể: <i>Khoa học quản lí, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lí, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án</i>	+ Ngành trong nhóm ngành: Khoa học chính trị, Xã hội và nhân học, Công tác xã hội. Cụ thể: <i>Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Công tác xã hội, Công tác thanh thiếu niên, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật</i>  + Ngành: Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Quản lý tài nguyên và môi trường; Chính trị học, Quản trị khách sạn, quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản lý văn hóa, Quản lý giáo dục, Quản trị kinh doanh, Quản lý nhà nước, Quản lý công nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý thông tin, Các ngành khác có liên quan đến lĩnh vực quản lí, quản trị.	Tất cả các ngành còn lại.	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. - Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) (5) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). Nếu xếp loại TB, TBK cần có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.	<b>- Đối tượng cột (4): 4 môn/12 tín chỉ.</b>  1. Khoa học quản lí đại cương 2. Khoa học chính sách 3. Lịch sử tư tưởng quản lí 4. Quản lý nguồn nhân lực  <b>- Đối tượng cột (5): 5 môn/15 tín chỉ</b>  1. Khoa học quản lí đại cương 2. Khoa học chính sách 3. Lịch sử tư tưởng quản lí 4. Quản lý nguồn nhân lực 5. Văn hoá và đạo đức quản lí



TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
12	8320201	Khoa học thông tin thư viện (định hướng nghiên cứu)	Thông tin – Thư viện, Khoa học thư viện, Thông tin học, Quản lý thông tin.	+ Ngành trong nhóm ngành: Báo chí và truyền thông, Văn thư – Lưu trữ - Bảo tàng, Xuất bản – phát hành; Cụ thể: <i>Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm</i> + Ngành: Lịch sử, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Khoa học quản lý.	- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực Quản lý thông tin, Thông tin – Thư viện được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp - Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	<p align="center"><b>- Đối tượng cột (4): 7 môn/14 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông tin học đại cương</li> <li>2. Thư viện học đại cương</li> <li>3. Phát triển nguồn lực thông tin</li> <li>4. Xử lý thông tin 1</li> <li>5. Xử lý thông tin 2</li> <li>6. Thư viện số</li> <li>7. Tổ chức và quản lý cơ quan thông tin, thư viện</li> </ol>
13	8320201	Khoa học thông tin thư viện (định hướng ứng dụng)	Thông tin – Thư viện, Khoa học thư viện, Thông tin học, Quản lý thông tin	+ Ngành trong nhóm ngành: Báo chí và truyền thông, Văn thư – Lưu trữ - Bảo tàng, Xuất bản – phát hành. Cụ thể: <i>Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm</i> + Ngành: Lịch sử, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Khoa học quản lý.	- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	- Không yêu cầu kinh nghiệm công tác (cột 3) - Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	<p align="center"><b>- Đối tượng cột (4): 7 môn/14 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông tin học đại cương</li> <li>2. Thư viện học đại cương</li> <li>3. Phát triển nguồn lực thông tin</li> <li>4. Xử lý thông tin 1</li> <li>5. Xử lý thông tin 2</li> <li>6. Thư viện số</li> <li>7. Tổ chức và quản lý cơ quan thông tin, thư viện</li> </ol>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
14	82102321	Lí luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình (định hướng nghiên cứu)	<p>Công nghệ điện ảnh – Công nghệ điện ảnh, truyền hình; Đạo diễn điện ảnh, truyền hình; Biên kịch điện ảnh, truyền hình; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Quay phim; Diễn viên kịch, điện ảnh - truyền hình; Đạo diễn sân khấu; Hội họa; Điêu khắc; Kiến trúc; Đồ họa; Thiết kế đồ họa; Văn học; Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu; Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật.</p>	<p>+ Các ngành trong nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài; Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả-rập, Ngôn ngữ học.</i></p> <p>+ Ngành: Sư phạm Ngữ văn; Văn hóa học; Báo chí; Xã hội học; Tâm lý học; Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật; Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh; Nhiếp ảnh; Thông tin - Thư viện; Quản lý thông tin; Quan hệ công chúng; Quốc tế học; Đông phương học; Ngôn ngữ học; Biên kịch sân khấu; Diễn viên sân khấu kịch hát; Diễn viên múa; Huấn luyện múa; Biên đạo múa; Lý luận, lịch sử và phê bình múa; Âm nhạc học; Sáng tác âm nhạc; Chỉ huy âm nhạc; Thiết kế âm thanh, ánh sáng; Quản lý văn hóa; Sáng tác văn học; Quản lý dự án; Khoa học quản lý; Quản trị nhân lực; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Truyền thông quốc tế; Mỹ thuật đô thị; Thiết kế công nghiệp; Thiết kế thời trang; Sư phạm nghệ thuật; Sư phạm mỹ thuật; Sư phạm âm nhạc; Việt Nam học; Châu Á học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Hàn Quốc học; Đông Nam Á học; Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Triết học; Tôn giáo học; Nhân học.</p>	<p>- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p>	<p>- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) (4) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác, người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá cần có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.</p>	<p><b>- Đối tượng cột (4): 4 môn/12 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nghệ thuật học đại cương</li> <li>2. Nhập môn nghệ thuật điện ảnh</li> <li>3. Chuyển thể kịch bản trong nghệ thuật điện ảnh</li> <li>4. Lý luận truyền hình</li> </ol> <p><b>- Đối tượng cột (5): 6 môn/ 18 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nghệ thuật học đại cương</li> <li>2. Nhập môn nghệ thuật điện ảnh</li> <li>3. Chuyển thể kịch bản trong nghệ thuật điện ảnh</li> <li>4. Những khuynh hướng cơ bản trong văn hóa nghệ thuật thế kỷ XX</li> <li>6. Lý luận phê bình nghệ thuật</li> </ol>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
15	8229010	Lịch sử (định hướng nghiên cứu)	Lịch sử, Sư phạm lịch sử	<p>+ Các ngành trong nhóm ngành: Xã hội học và Nhân học, Khác của lĩnh vực Nhân văn, Khu vực học, Khoa học chính trị, Văn thư- Lưu trữ- Bảo tàng; Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học, Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Lưu trữ học, Bảo tàng học</i></p> <p>+ Các ngành: Địa lý học, Thông tin – Thư viện, Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành, Quản trị khách sạn.</p>	<p>- Ngành phù hợp 3: Tâm lý học, Công tác xã hội, Khoa học quản lý, Quan hệ công chung, Báo chí, Quản trị văn phòng, Giáo dục chính trị.</p> <p>- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p>	<p>- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) (4) và phù hợp 3 tại cột (5): từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác; người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá cần có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.</p>	<p><b>- Đối tượng cột (4): 5 môn/16 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại</li> <li>2. Lịch sử thế giới cổ trung đại</li> <li>3. Cơ sở văn hóa Việt Nam</li> <li>4. Cơ sở khảo cổ học Việt Nam</li> <li>5. Phương pháp luận sử học</li> </ol> <p><b>- Đối tượng cột (5): 9 môn/ 30 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại</li> <li>2. Lịch sử thế giới cổ trung đại</li> <li>3. Cơ sở văn hóa Việt Nam</li> <li>4. Cơ sở khảo cổ học Việt Nam</li> <li>5. Phương pháp luận sử học</li> <li>6. Lịch sử thế giới hiện đại</li> <li>7. Cơ sở văn hóa Việt Nam</li> <li>8. Cơ sở khảo cổ học</li> <li>9. Phương pháp luận sử học</li> </ol>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
16	8320303	Lưu trữ học (định hướng nghiên cứu)	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Lưu trữ học	+ Ngành trong nhóm ngành: Quản lý - Quản trị, Thông tin – Thư viện; + Ngành: Lịch sử, Văn học, Văn hóa học, Quản lý giáo dục, Báo chí, Luật, Chính trị học, Quản lý nhà nước, Quản trị văn phòng, Công tác xã hội, Đông phương học, Hán Nôm, Khoa học quản lý, Nhân học, Quan hệ quốc tế, Tâm lý học, Triết học, Việt Nam học, Xã hội học, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Quản lý văn hoá, Quản lý thông tin, Quản lý công.	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) (4): từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác; người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá cần có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.	<p><b>- Đối tượng cột (4): 4 môn/ 11 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhập môn Quản trị văn phòng</li> <li>Lý luận và phương pháp công tác văn thư</li> <li>Lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ</li> <li>Quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ</li> </ol>
17	8320303	Lưu trữ học (định hướng ứng dụng)	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Lưu trữ học	Lịch sử, Văn học, Văn hóa học, Quản lý giáo dục, Báo chí, Luật, Chính trị học, Quản lý nhà nước, Quản lý công, Quản trị văn phòng. Công tác xã hội, Đông phương học, Hán Nôm, Khoa học quản lý, Khoa học thư viện, Nhân học, Quốc tế học, Tâm lý học, Triết học, Việt Nam học, Xã hội học, Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước. Quản lý văn hoá, Quản lý thông tin;	Tất cả các ngành còn lại	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	<p><b>- Đối tượng cột (4): 4 môn/ 11 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhập môn Quản trị văn phòng</li> <li>Lý luận và phương pháp công tác văn thư</li> <li>Lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ</li> <li>Quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ</li> </ol> <p><b>- Đối tượng cột (5): 6 môn/ 17 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhập môn Quản trị văn phòng</li> <li>Lý luận và phương pháp công tác văn thư</li> <li>Lý luận và thực tiễn công tác lưu trữ</li> <li>Quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ</li> <li>Tổ chức khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ</li> <li>Lưu trữ tài liệu điện tử</li> </ol>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
18	8229020	Ngôn ngữ học (định hướng nghiên cứu)	Ngôn ngữ học, Ngôn ngữ và Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam, Tiếng Việt.	<p>+ Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, Các ngành sư phạm tiếng nước ngoài và Sư phạm tiếng dân tộc thiểu số trong nhóm ngành Đào tạo giáo viên, Khu vực học; Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả rập, Sư phạm Tiếng Bana, Sư phạm Tiếng Êđê, Sư phạm Tiếng Jrai, Sư phạm Tiếng Khmer, Sư phạm Tiếng H'mong, Sư phạm Tiếng Chăm, Sư phạm Tiếng M'ông, Sư phạm Tiếng Xêđăng, Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tiếng Nga, Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Đức, Sư phạm Tiếng Nhật, Sư phạm Tiếng Hàn Quốc, Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.</i></p> <p>+ Các ngành: Hán Nôm, Ngôn ngữ J'rai, Ngôn ngữ Chăm, Ngôn ngữ Khmer, Ngôn ngữ Hmông, Nhân học, Văn học, Sư phạm ngữ văn, Văn hóa học, Tâm lý học, Báo chí, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng.</p>	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) (4): từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác; người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá cần có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.	<p><b>6 môn/ 15 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ngôn ngữ học đại cương</li> <li>2. Ngữ âm học và từ vựng học tiếng Việt</li> <li>3. Ngữ nghĩa học tiếng Việt</li> <li>4. Ngữ pháp học tiếng Việt</li> <li>5. Ngôn ngữ học ứng dụng</li> <li>6. Ngữ dụng học tiếng Việt</li> </ol>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
19	8310302	Nhân học (định hướng nghiên cứu)	Nhân học	Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Tôn giáo học, Triết học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Gia đình học, Chính trị học, Xã hội học, Tâm lý học, Khoa học quản lý, Bảo tàng học, Báo chí, Quan hệ công chúng, Địa lý học, Châu Á học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Quốc tế học, Bảo tồn di sản kiến trúc - Đô thị, Đô thị học, Phát triển nông thôn, Công tác xã hội, Y tế công cộng, Du lịch.	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) (4): từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác; người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá cần có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.	<p style="text-align: center;"><b>4 môn/ 12 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhân học đại cương</li> <li>Các phương pháp nghiên cứu nhân học</li> <li>Lịch sử và các lý thuyết nhân học</li> <li>Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam</li> </ol>
20	8310613	Nhật Bản học (định hướng nghiên cứu)	Ngành cùng nhóm ngành với Nhật Bản học (Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học)		Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác; người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá cần có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.	

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
21	8310601.01	Quan hệ quốc tế (định hướng nghiên cứu)	Ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Quốc tế học: Châu Á học, Thái Bình Dương học, Trung Quốc học, Đông phương học, Nhật Bản học, hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Quan hệ quốc tế	+ Ngành trong nhóm ngành: Báo chí và truyền thông, Xã hội học và Nhân học, Khác thuộc lĩnh vực Nhân văn, Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài; Cụ thể: <i>Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Xã hội học, Nhân học, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả rập</i> + Ngành: Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tiếng Nga, Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Đức, Sư phạm Tiếng Nhật, Sư phạm Tiếng Hàn Quốc, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Luật, Luật kinh tế, Luật quốc tế, Chính trị học, Quản lý công, Công tác xã hội, Tình báo quân sự, Chỉ huy tham mưu thông tin, Tình báo an ninh.	- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) (4): từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác; người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá cần có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu. - Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành Tình báo quân sự, Chỉ huy tham mưu thông tin, Tình báo an ninh yêu cầu có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực quan hệ quốc tế	<p style="text-align: center;"><b>Học phần bắt buộc:</b> <b>3 môn/9 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lịch sử Quan hệ quốc tế</li> <li>2. Quan hệ đối ngoại Việt Nam</li> <li>3. Nhập môn Quan hệ quốc tế</li> </ol> <p style="text-align: center;"><b>Học phần tự chọn</b> <b>1 môn / 3 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>4. Kinh tế quốc tế</li> <li>5. Luật pháp quốc tế</li> </ol>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
22	8340412	Quản lí Khoa học và Công nghệ (định hướng nghiên cứu)	Khoa học quản lí	Tất cả các ngành	Tất cả các ngành	<p>- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3): từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác; người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá cần có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.</p> <p>- Người tốt nghiệp đại học cột (4), (5) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).</p>	<p><b>4 môn/ 12 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khoa học quản lí đại cương</li> <li>2. Tổng quan Sở hữu trí tuệ</li> <li>3. Lý thuyết hệ thống và điều khiển học</li> <li>4. Khoa học và Công nghệ luận</li> </ol>
23	8340412	Quản lí Khoa học và Công nghệ (định hướng ứng dụng)	Khoa học quản lí	Tất cả các ngành	Tất cả các ngành	<p>- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3 không yêu cầu kinh nghiệm công tác</p> <p>- Người tốt nghiệp đại học cột (4), (5) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).</p>	<p><b>4 môn/ 12 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khoa học quản lí đại cương</li> <li>2. Tổng quan Sở hữu trí tuệ</li> <li>3. Lý thuyết hệ thống và điều khiển học</li> <li>4. Khoa học và Công nghệ luận</li> </ol>



TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
24	8319042	Quản lí văn hóa (định hướng nghiên cứu)	Quản lí văn hóa, Lịch sử, Văn hóa học, Khoa học quản lí, Nhân học	<p>+ Các ngành trong nhóm ngành: Khác trong lĩnh vực nhân văn, Khu vực học, Văn thư- Lưu trữ- Bảo tàng; Cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học, Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Lưu trữ học, Bảo tàng học.</i></p> <p>+ Các ngành: Quản trị dịch vụ du lịch lễ hành, Các ngành liên quan đến quản lý, Thông tin – Thư viện, Hán Nôm, Báo chí, Xã hội học, Quan hệ công chúng, Quản trị khách sạn, Quản trị văn phòng, Chính trị học, Tâm lý học, Công tác xã hội.</p>	<p>- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p>	<p>- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3): từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác; người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá cần có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu. - Người tốt nghiệp đại học cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).</p>	<p><b>05 môn/15 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lịch sử văn minh thế giới</li> <li>Cơ sở văn hóa Việt Nam</li> <li>Khoa học quản lí đại cương</li> <li>Nhân học đại cương</li> <li>Tổng quan về tôn giáo tín ngưỡng và lễ hội ở Việt Nam</li> </ol>
25	8320109	Quản trị báo chí truyền thông (định hướng ứng dụng)	Gồm các ngành thuộc nhóm ngành Báo chí - Truyền thông: Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Quan hệ công chúng, Truyền thông quốc tế,	<p>+ Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa nước ngoài, Xã hội học và Nhân học, Thông tin – thư viện, Xuất bản – Phát hành; Cụ thể: <i>Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Ngôn ngữ Jrai, Ngôn ngữ Khmer, Ngôn ngữ H'mong, Ngôn ngữ Chăm, Sáng tác văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung</i></p>	<p>- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p>	<p>- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).</p>	<p><b>- Đối tượng cột (4): 4 môn/12 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Lý luận báo chí, truyền thông</li> <li>Thẻ loại báo chí, truyền thông</li> <li>Loại hình báo chí, truyền thông</li> <li>Lao động nhà báo và cơ quan báo chí</li> </ol>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
			Truyền thông đại chúng, Công nghệ truyền thông	<p><i>Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ảrập, Thông tin - Thư viện, Quản lý thông tin, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm</i></p> <p>+ Các ngành: Văn học, Sư phạm Ngữ Văn, Ngôn ngữ học, Chính trị học, Quốc tế học, Lịch sử, Triết học, Luật, Khoa học quản lý, Tâm lý học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Kinh tế số, Quan hệ quốc tế, Đạo diễn sân khấu; Đạo diễn điện ảnh, truyền hình; Quay phim; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Biên kịch điện ảnh, truyền hình; Thiết kế đồ họa, Marketing, Kinh tế chính trị, Lưu trữ học.</p>			

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
26	8340406	Quản trị văn phòng (định hướng nghiên cứu)	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng; Quản trị văn phòng.	+ Ngành thuộc nhóm ngành: Quản trị - Quản lý: Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quan hệ lao động, Quản lý dự án. Ngành Thông tin – Thư viện; Lưu trữ học; Cụ thể: <i>Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Thông tin - Thư viện, Quản lý thông tin, Lưu trữ học, Bảo tàng học.</i>  + Ngành: Quản trị kinh doanh, Quản lý nhà nước.	Tất cả các ngành còn lại	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3): từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác; người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá cần có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu. - Người tốt nghiệp đại học cột (4) (5) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).	<b>- Đối tượng cột (4): 4 môn/12 tín chỉ</b> 1. Nhập môn Quản trị văn phòng 2. Các lý thuyết quản trị 3. Tổ chức quản lý công tác văn thư – lưu trữ 4. Văn hoá công sở  <b>- Đối tượng cột (5): 6 môn/18 tín chỉ</b> 1. Nhập môn Quản trị văn phòng 2. Các lý thuyết quản trị 3. Tổ chức quản lý công tác văn thư – lưu trữ 4. Nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp 5. Văn hoá công sở 6. Lễ tân văn phòng
27	8340406	Quản trị văn phòng (định hướng ứng dụng)	Quản trị văn phòng, Lưu trữ học và Quản trị văn phòng	+ Ngành trong nhóm ngành: Quản trị - Quản lý; Khoa học Chính trị; Thông tin – Thư viện; Lưu trữ học. Cụ thể: <i>Khoa học quản lý Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Thông tin - Thư viện, Quản lý thông tin, Lưu trữ học, Bảo tàng học.</i> + Ngành: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị kinh doanh, Quản lý nhà nước.	- Tất cả các ngành khác	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) (5) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tính từ ngày kí Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi.	<b>- Đối tượng cột (4): 4 môn/12 tín chỉ</b> 1. Nhập môn Quản trị văn phòng 2. Các lý thuyết quản trị 3. Tổ chức quản lý công tác văn thư – lưu trữ 4. Văn hoá công sở

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							<p><b>- Đối tượng cột (5):</b> <b>6 môn/18 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Nhập môn Quản trị văn phòng</li> <li>Các lý thuyết quản trị</li> <li>Tổ chức quản lý công tác văn thư – lưu trữ</li> <li>Nghiệp vụ tham mưu, tổng hợp</li> <li>Văn hoá công sở</li> <li>Lễ tân văn phòng</li> </ol>
28	8310401	Tâm lý học	Tâm lý học, Tâm lý giáo dục	+ Ngành trong nhóm ngành: Xã hội học và nhân học; + Ngành: Công tác xã hội, Giáo dục học, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Sư phạm mẫu giáo, Quản lý giáo dục, Y tế công cộng, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Chính trị học, Quản trị nhân lực, Du lịch, Khoa học quản lý, Luật, Triết học, Tôn giáo học.	- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	- Người tốt nghiệp đại học loại Khá trở lên tại cột (3) (4) không yêu cầu kinh nghiệm công tác, trường hợp bằng TB, TBK cần có công bố khoa học trong lĩnh vực Tâm lý học	<p><b>5 môn/ 15 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Phương pháp nghiên cứu tâm lý học</li> <li>Những vấn đề cơ bản của tâm lý học</li> <li>Tâm lý học tham vấn</li> <li>Tâm lý học quản lý</li> <li>Tâm lý học xã hội</li> </ol>
29	8310402	Tâm lý học lâm sàng (định hướng ứng dụng)	Tâm lý học, Tâm lý học Giáo dục	+ Các ngành trong nhóm ngành: Xã hội học và nhân học, Y học (Y khoa, Y học dự phòng, Y học cổ truyền) + Các ngành: Công tác xã hội, Giáo dục học, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Y tế công cộng, Điều dưỡng.	- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học đạt loại khá cần có tối thiểu 1 năm kinh nghiệm công tác; Có bằng tốt nghiệp đại học đạt dưới loại khá thì phải có ít nhất 2 năm công tác trong lĩnh vực thực hành, nghiên cứu,	<p><b>7 môn/ 21 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tâm lý học gia đình</li> <li>Tâm lý học tham vấn</li> <li>Tâm lý học phát triển</li> <li>Tâm lý học lâm sàng đại cương</li> <li>Tâm bệnh học đại cương</li> <li>Tâm lý học trị liệu</li> </ol>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
					cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	giảng dạy tâm lý học và tâm lý học lâm sàng.	7. Đánh giá trong tâm lý học lâm sàng
30	8229009	Tôn giáo học (định hướng nghiên cứu)	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Giáo dục chính trị.	Tâm lý học, Xã hội học, Gia đình học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Khoa học Quản lý, Hán Nôm, Nhân học, Quản lý Nhà nước, Lịch sử, Quan hệ quốc tế, Chính trị học, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Việt Nam học, Luật, Ngôn ngữ học, Châu Á học, Báo chí, Trung Quốc học, Du lịch học, Đông Nam Á học, Đông phương học, Nhật Bản học, Văn hóa học, Hàn Quốc học, Quản lý văn hóa	- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) (4): từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác; người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá cần có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.	<b>4 môn/12 tín chỉ</b> 1. Triết học tôn giáo và tôn giáo học so sánh 2. Nho giáo và Đạo giáo ở Việt Nam 3. Nhà nước - Tôn giáo - Luật pháp 4. Lịch sử các tổ chức tôn giáo và giáo hội học tôn giáo
31	8229009	Tôn giáo học (định hướng ứng dụng)	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Giáo dục chính trị.	Tâm lý học, Gia đình học, Xã hội học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Khoa học Quản lý, Hán Nôm, Nhân học, Quản lý Nhà nước, Lịch sử, Quan hệ quốc tế, Chính trị học, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Việt Nam học, Luật, Ngôn ngữ học, Châu Á học, Báo chí, Trung Quốc học, Du lịch học, Đông Nam Á học, Đông phương học, Nhật Bản học, Văn hóa học, Hàn Quốc học, Quản lý văn hóa.	Tất cả các ngành còn lại	Không yêu cầu kinh nghiệm công tác	<b>- Đối tượng cột (4): 4 môn/12 tín chỉ</b> 1. Triết học tôn giáo và tôn giáo học so sánh 2. Nho giáo và Đạo giáo ở Việt Nam 3. Nhà nước - Tôn giáo - Luật pháp 4. Lịch sử các tổ chức tôn giáo và giáo hội học tôn giáo  <b>- Đối tượng cột (5): 5 môn/15 tín chỉ Học phần bắt buộc</b> 1. Triết học tôn giáo và tôn giáo học so sánh 2. Nho giáo và Đạo giáo ở Việt Nam

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							3. Nhà nước - Tôn giáo - Luật pháp 4. Lịch sử các tổ chức tôn giáo và giáo hội học tôn giáo  <b>Học phần tự chọn</b> 1. Nhập môn Công giáo; Hồi giáo; Baha'I; Bà-La-môn giáo ở Việt Nam 2. Đạo Tin lành và Mặc môn ở Việt Nam 3. Hiện tượng tôn giáo mới trên thế giới và Việt Nam
32	8229001	Triết học (định hướng nghiên cứu)	Triết học, Tôn giáo học	+ Các ngành trong nhóm ngành Khác của lĩnh vực Nhân văn (Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hoá học, Quản lí văn hoá, Gia đình học) + Các ngành: Nhân học, Khoa học quản lý, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Kinh tế chính trị, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Quản lý nhà nước, Quản lý công, Giáo dục công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục học, Quản lý Giáo dục, Xã hội học, Tâm lý học, Lịch sử, Quốc tế học, Quan hệ quốc tế, Châu Á học, Đông phương học, Việt Nam học.	- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) (4): từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác; người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá cần có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.	<b>5 môn/15 tín chỉ</b> 1. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử 2. Triết học phương Đông và Triết học phương Tây 3. Chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học 4. Chuyên đề Logic học 5. Chuyên đề Mỹ học - Đạo đức học
33	8229030	Văn học (định hướng nghiên cứu)	Văn học, Sư phạm ngữ văn	+ Các ngành thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài; Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ</i>	- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) (4): từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác; người tốt nghiệp đại học loại	<b>6 môn/ 19 tín chỉ</b> 1. Dẫn luận văn học 2. Tác phẩm và loại thể văn học 3. Văn học Việt Nam thế kỷ 10-17

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
				<p><i>Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả-rập</i></p> <p>+ Các ngành: Văn hóa học; Ngôn ngữ học; Triết học; Tôn giáo học; Lịch sử, Quản lý văn hóa; Hán Nôm; Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; Sáng tác văn học; Việt Nam học, Châu Á học; Đông phương học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Hàn Quốc học; Đông Nam Á học; Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu; Biên kịch sân khấu; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Biên kịch điện ảnh, truyền hình; Báo chí; Truyền thông đại chúng; Truyền thông quốc tế; Quan hệ công chúng.</p>	<p>ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p>	<p>Trung bình, Trung bình Khá cần có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.</p>	<p>4. Văn học Việt Nam thế kỷ 18-19 5. Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945 6. Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay</p>
34	8310301	Xã hội học (định hướng nghiên cứu)	Ngành cùng nhóm ngành với ngành Xã hội học và Nhân học. Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học</i>	<p>+ Các ngành trong nhóm ngành: Công tác xã hội, Quản trị - Quản lý, Tâm lý học, Kinh tế học. Cụ thể: <i>Công tác xã hội, Công tác thanh thiếu niên, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Kinh tế số.</i></p> <p>+ Ngành: Chính trị học, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Truyền thông đại</p>	<p>- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p>	<p>- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) (4): từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác; người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá cần có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.</p>	<p><b>4 môn/ 14 tín chỉ</b></p> <p>1. Nhập môn xã hội học 2. Lý thuyết xã hội học 3. Phương pháp nghiên cứu xã hội học 4. Chính sách xã hội</p>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
				chúng, Truyền thông quốc tế, Quan hệ công chúng, Triết học, Tôn giáo học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học, Luật, Đông Phương học, Việt Nam học, Giáo dục học, Quản lý giáo dục.			
35	8229040	Văn hoá học	Văn hoá học, Quản lý văn hóa, Lịch sử, Sư phạm Lịch sử, Triết học, Văn học, Hán Nôm, Ngôn ngữ học, Khoa học quản lý, Nhân học, Chính trị học, Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành, Việt Nam học, Ngôn ngữ học, Tôn giáo học, Quản trị khách sạn, Quản trị văn phòng, Lưu trữ học, Báo chí học, Bảo tàng học.	Quốc tế học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Thông tin học, Khoa học thư viện, Tâm lý học, Xã hội học, Công tác xã hội, Quan hệ công chúng, Địa lý, Khoa học phát triển.	- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) (4): từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác; người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá cần có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.	<b>5 môn/ 15 tín chỉ</b> 1. Lịch sử văn minh thế giới 2. Cơ sở Văn hóa Việt Nam 3. Không gian văn hoá 4. Tiếp xúc và giao lưu văn hoá ở Việt Nam 5. Tổng quan về tôn giáo tín ngưỡng và lễ hội ở Việt Nam
36	8310630	Việt Nam học	Việt Nam học, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam và ngành Tiếng Việt tại các Trường Đại học ở nước ngoài.	+ Ngành trong nhóm ngành: Khu vực học, Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, Kinh tế học, Xã hội học và Nhân học, Khoa học giáo dục, Quản trị - Quản lý, Du lịch; Cụ thể: <i>Quốc tế học, Châu Á học, Thái Bình Dương học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban</i>	+ Ngành trong nhóm ngành: Tâm lý học, Thông tin - Thư viện, Văn thư – Lưu trữ - Bảo tàng, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử viễn thông, Các ngành sư phạm tiếng nước ngoài thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên. Cụ thể: <i>Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Công nghệ kỹ thuật điện -</i>	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác; người tốt nghiệp đại học loại Trung bình, Trung bình Khá cần có công bố khoa học có liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.	<b>- Đối tượng cột (4): 3 môn/ 9 tín chỉ</b> 1. Nhập môn Việt Nam học 2. Lịch sử Việt Nam đại cương 3. Việt ngữ học đại cương



TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chương trình đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu kinh nghiệm công tác/công bố khoa học (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
				<p><i>Nha, Ngôn ngữ Bồ Đào Nha, Ngôn ngữ Italia, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Ả-rập, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Kinh tế số, Xã hội học, Nhân học, Giáo dục học, Công nghệ giáo dục, Quản lý giáo dục, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành</i></p> <p>+ Ngành: Địa lý học, Báo chí, Quản lý tài nguyên và môi trường, Luật, Hán Nôm, Chính trị học, Sư phạm Lịch sử - Địa lý.</p>	<p><i>điện tử, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tiếng Nga, Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Đức, Sư phạm Tiếng Nhật, Sư phạm Tiếng Hàn Quốc.</i></p> <p>- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường (ĐHKHXHNV) thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p>	<p>- Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) và phù hợp 3 tại cột (5) cần có 1 năm kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực Việt Nam học.</p>	<p><b>- Đối tượng phù hợp 3 cột (5):</b> <b>6 môn/ 18 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ sở Văn hóa Việt Nam</li> <li>2. Nhập môn Việt Nam học</li> <li>3. Lịch sử Việt Nam đại cương</li> <li>4. Việt ngữ học đại cương</li> <li>5. Các dân tộc Việt Nam ngưỡng và lễ hội ở Việt Nam</li> <li>6. Địa lý Việt Nam</li> </ol>

**Phụ lục 2:**  
**DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG/PHÙ HỢP XÉT TUYỂN TIỀN SĨ**

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu khác (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
1	9320101	Báo chí học	Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Báo chí (Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng)	<p>+ Ngành thuộc nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hoá Việt Nam; Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài; Xuất bản – Phát hành, Quản trị - Quản lý (<i>Ngôn ngữ Việt Nam, Hán Nôm, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, Văn học nước ngoài, Xuất bản, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.</i>)</p> <p>+ Ngành: Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Chính trị học, Quan hệ Quốc tế, Quản lý Nhà nước, Kinh tế chính trị, Kinh tế học, Kinh tế phát triển, Văn hóa học, Quản lý văn hóa.</p>	<p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành</p>	<p>- Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học.</p>	<p style="text-align: center;"><b>3 môn/ 11 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lý luận và thực tiễn các loại hình báo chí</li> <li>2. Các phương pháp thiết kế và triển khai nghiên cứu truyền thông</li> <li>3. Xu hướng phát triển của báo chí hiện đại</li> </ol>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5)	Yêu cầu khác (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
2	9310201	Chính trị học	Các ngành: <i>Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Quan hệ quốc tế, Quản lý nhà nước.</i>	<p>+ Các ngành trong nhóm ngành: Khác của lĩnh vực Nhân văn, Xã hội học và nhân học, Địa lý học, Khu vực học, Báo chí và truyền thông, Luật. Cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh, Xã hội học, Nhân học, Địa lý học, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng, Luật, Luật hiến pháp và luật hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Luật kinh tế, Luật quốc tế.</i></p> <p>+ Các ngành: <i>Kinh tế chính trị, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển, Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Khoa học quản lý, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự.</i></p>	Tất cả các ngành khác.	Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học	<p><b>Đối tượng cột (4)</b> <b>3 môn/15 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống chính trị Việt Nam nâng cao</li> <li>Nhà chính trị Hồ Chí Minh</li> <li>Lý luận đảng cầm quyền</li> </ol> <p><b>Đối tượng cột (5)</b> <b>5 môn/25 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống chính trị Việt Nam nâng cao</li> <li>Nhà chính trị Hồ Chí Minh</li> <li>Lý luận đảng cầm quyền</li> <li>Các định chế quốc tế</li> <li>Chính trị trong toàn cầu hóa</li> </ol>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5)	Yêu cầu khác (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
3	9760101	Công tác xã hội	Gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Công tác xã hội, cụ thể: <i>Công tác xã hội</i>	<p>+ Ngành trong nhóm ngành: Xã hội học và Nhân học, Tâm lý học, Báo chí và truyền thông, Quản trị- quản lý. Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Tâm lý học lâm sàng, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.</i></p> <p>+ Các ngành: <i>Giáo dục đặc biệt, Đông phương học, Chính trị học, Triết học, Luật, Lịch sử, Y tế công cộng, Văn hóa học, Tôn giáo học, Điều dưỡng, Y học dự phòng, Giáo dục và phát triển cộng đồng, Quản lý giáo dục, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, Quản lý y tế, Quản lý bệnh viện.</i></p>	<p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành</p>	<p>- Người tốt nghiệp cột (4) cần có 1 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày ký Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi).</p> <p>- Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học</p>	<p><b>5 môn/15 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhập môn công tác xã hội và an sinh xã hội</li> <li>2. Hành vi con người và môi trường xã hội</li> <li>3. Công tác xã hội với cá nhân</li> <li>4. Công tác xã hội với nhóm</li> <li>5. Phát triển cộng đồng</li> </ol>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5)	Yêu cầu khác (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
4	9810101	Du lịch	Các ngành: <i>Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.</i>	<p><b>- Ngành phù hợp 2:</b>            + Ngành thuộc nhóm ngành: Địa lý học, Khu vực học, Kinh doanh, Kinh tế học, Quản trị - Quản lý, Xã hội học và nhân học, Báo chí và truyền thông. Cụ thể: <i>Địa lý học, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Xã hội học, Nhân học, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng</i>            + Các ngành: <i>Lịch sử Việt Nam, Văn hóa học, Quản lý văn hóa</i></p>	<p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành</p>	<p>Thí sinh có bằng thạc sĩ thuộc ngành/chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức hoặc thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học</p>	<p><b>- Đối tượng cột (4): 3 môn/10 tín chỉ.</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch</li> <li>2. Văn hoá quản lý và kinh doanh du lịch</li> <li>3. Quản lý điểm đến du lịch</li> </ol>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5)	Yêu cầu khác (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
5	9310608.02	Đông Nam Á học	Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Đông phương học. Cụ thể: <i>Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học</i>	Quan hệ Quốc tế, Kinh tế quốc tế, Lịch sử thế giới, Văn học nước ngoài, Tôn giáo học, Nhân học, Chính trị học, Ngôn ngữ Anh.	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	- Người tốt nghiệp cột (4) cần có 1 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn liên quan đến Đông Nam Á - Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học	<b>3 môn/9 tín chỉ</b> 1.Lịch sử phát triển của các quốc gia châu Á 2.Các vấn đề văn hoá - văn minh châu Á 3.Chính trị và quan hệ quốc tế khu vực châu Á
6	9220104	Hán Nôm	Hán Nôm	Không tuyển	Không tuyển	Thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học	

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5)	Yêu cầu khác (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
7	9229010.01	Khảo cổ học	Các ngành: <i>Khảo cổ học, Lịch sử, Sư phạm lịch sử.</i>	Các ngành trong Nhóm ngành Khác lĩnh vực nhân văn, Bảo tàng học. Cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh, Bảo tàng học.</i>	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/ chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học.	<b>6 môn/12 tín chỉ</b> 1.Khảo cổ học Việt Nam 2.Một số vấn đề khảo cổ học khu vực 3.Khảo cổ học nghệ thuật và kiến trúc cổ Việt Nam 4.Các phương pháp nghiên cứu khảo cổ học sau khai quật 5.Khảo cổ học biển đảo Việt Nam 6.Gồm sử học và lịch sử gồm sử Việt Nam
8	9320201	Khoa học Thông tin - Thư viện	Các ngành: <i>Thông tin – Thư viện, Thông tin học, Khoa học Thư viện, Quản lý thông tin, Khoa học Thông tin – Thư viện</i>	+ Các ngành trong nhóm ngành đào tạo: Báo chí & Truyền thông; Văn thư – Lưu trữ - Bảo tàng; Xuất bản – Phát hành. Cụ thể: <i>Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Xuất bản.</i> + Các ngành/chuyên ngành: <i>Lịch sử; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Quản trị văn phòng; Hệ thống thông tin quản lý; Khoa học quản lý.</i>	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/ chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học.	<b>7 môn/14 tín chỉ</b> 1.Thông tin học đại cương 2.Thư viện học đại cương 3.Phát triển nguồn lực thông tin 4.Xử lý thông tin 1 5.Xử lý thông tin 2 6.Thư viện số 7.Tổ chức và quản lý cơ quan thông tin, thư viện

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5)	Yêu cầu khác (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
9	9229030.01	Lý luận văn học	Các ngành: <i>Văn học, Lý luận văn học</i>	+ Các ngành: <i>Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Hán Nôm, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Văn học nước ngoài, Văn học so sánh</i>	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành	Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học	<b>4 môn/8 tín chỉ</b> 1. Một số vấn đề lý luận của văn học hiện đại, hậu hiện đại 2. Tâm lý học sáng tạo nghệ thuật 3. Lý thuyết tự sự học 4. Phương pháp luận nghiên cứu văn học
10	9229010.02	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Các ngành: <i>Lịch sử, Sư phạm lịch sử, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam</i>	+ Các ngành trong nhóm ngành Khác lĩnh vực nhân văn. Cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh.</i> + Các ngành: <i>Lưu trữ học, khoa học thư viện, Khoa học Thông tin – Thư viện, Việt Nam học, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Lịch sử nghệ thuật quân sự, Quan hệ quốc tế.</i>	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành	Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học.	<b>4 môn/9 tín chỉ</b> 1. Vấn đề biên giới, lãnh thổ và chủ quyền biển đảo của Việt Nam – Từ lịch sử đến hiện tại 2. Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng 3. Đường lối quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam 4. Đảng với vấn đề ruộng đất và nông nghiệp, nông thôn qua các thời kì cách mạng



TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5)	Yêu cầu khác (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
11	9229010.04	Lịch sử sử học và sử liệu học	Các ngành: <i>Lịch sử, Sử phạm lịch sử</i>	Các ngành trong nhóm ngành Khác lĩnh vực nhân văn, Văn thư - Lưu trữ, Bảo tàng; Khoa học Thông tin - thư viện, Văn hóa học, Lịch sử nghệ thuật quân sự, Hán Nôm. Cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Lịch sử phong trào công sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Khoa học Thông tin - thư viện, Văn hóa học, Lịch sử nghệ thuật quân sự, Hán Nôm.</i>	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học.	<p align="center"><b>6 môn/13 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Một số vấn đề cơ bản về lý luận sử học</li> <li>Phương pháp thống kê và xử lý nguồn sử liệu đám đông</li> <li>Tư tưởng sử học qua các thời đại</li> <li>Sử học Việt Nam trong thời kì Đổi Mới</li> <li>Các phương pháp sử liệu học</li> <li>Lịch sử thư tịch Việt Nam</li> </ol>
12	9229010.03	Lịch sử thế giới	Các ngành: <i>Lịch sử, Sử phạm lịch sử</i>	+ Các ngành trong nhóm ngành Khác lĩnh vực nhân văn, Văn thư - Lưu trữ, Bảo tàng; Khoa học Thông tin - thư viện. Cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Lịch sử phong trào công sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Khoa học Thông tin - thư viện.</i>	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học.	<p align="center"><b>5 môn/11 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đông Nam Á và quá trình hội nhập của Việt Nam</li> <li>Một số vấn đề lịch sử kinh tế - xã hội phương Đông – so sánh với phương Tây</li> <li>Chủ nghĩa tư bản hiện đại - Đặc điểm và Xu hướng</li> <li>Hoạt động bang giao của Trung Quốc dưới thời nhà Minh (1368-1644) và nhà Thanh (1644-1911)</li> <li>Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đối với một số nước châu Á từ sau năm 1991</li> </ol>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5)	Yêu cầu khác (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
13	9229010.05	Lịch sử Việt Nam	Các ngành: <i>Lịch sử, Sư phạm lịch sử, Lịch sử Việt Nam</i>	+ Các ngành trong nhóm ngành Khác lĩnh vực nhân văn. Cụ thể: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử thế giới, Lịch sử phong trào công sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh</i> + Các ngành: <i>Chính trị học, Khoa học Thư viện, Hồ Chí Minh học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử nghệ thuật quân sự, Lưu trữ học, Việt Nam học.</i>	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học.	<b>6 môn/13 tín chỉ</b> 1.Quá trình phát triển các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam 2.Thiết chế chính trị Việt Nam trong lịch sử 3.Các khuynh hướng tư tưởng ở Việt Nam thời kỳ cận đại 4.Một số vấn đề về kinh tế - xã hội Việt Nam thời kỳ cận hiện đại 5.Một số vấn đề về đô thị và đô thị hóa trong lịch sử Việt Nam 6.Chính trị và Tôn giáo trong lịch sử Việt Nam
14	9320303	Lưu trữ học	Các ngành: <i>Lưu trữ học và Tư liệu học, Lưu trữ học và Quản trị văn phòng, Lưu trữ học, Quản trị văn phòng.</i>	+ Các ngành: <i>Lịch sử, Bảo tàng học, Khoa học Thư viện, Hán Nôm, Ngôn ngữ Pháp, Chính sách công và Quản lý công, Quản lý giáo dục.</i>	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện	- Người tốt nghiệp đại học tại cột (4) cần có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn trong lĩnh vực liên quan đến lĩnh vực đăng ký dự tuyển (tính từ ngày ký Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). - Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức	<b>- Đối tượng cột (4): 4 môn/ 14 tín chỉ</b> 1. Lý thuyết lưu trữ 2.Tổ chức quản lý lưu trữ 3.Chính sách lưu trữ 4.Thực hiện chuyên đề nghiên cứu: Tổ chức hệ thống thông tin tài liệu lưu trữ

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5)	Yêu cầu khác (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
					hành.chương trình đào tạo và các quy định hiện hành	hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học.	
15	9310613	Nhật Bản học	Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Nhật Bản học. Cụ thể: <i>Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học</i>		Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học.	

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng kí dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng kí dự thi (5)	Yêu cầu khác (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
16	9229020.01	Ngôn ngữ học	Các ngành: <i>Ngôn ngữ học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng.</i>	+ Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, Khu vực học (có luận văn về ngôn ngữ). Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, Văn học nước ngoài, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.</i> + Các ngành: <i>Hán Nôm, Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Văn học, Nhân học (có luận văn về Nhân học ngôn ngữ); Văn học so sánh, Sư phạm ngữ văn, Phương pháp dạy học văn và tiếng Việt, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng.</i>	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học.	<b>6 môn/ 12 tín chỉ</b>  1. Một số vấn đề về loại hình học ngôn ngữ 2.Ngôn ngữ và tư duy 3.Một số vấn đề ngôn ngữ học ứng dụng. 4.Các vấn đề thời sự trong ngữ pháp học 5.Các vấn đề thời sự trong ngữ nghĩa học 6.Các vấn đề thời sự trong ngữ dụng học
17	9229020.02	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam	Các ngành: <i>Ngôn ngữ học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng.</i>	+ Các ngành trong nhóm ngành: Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, Khu vực học (có luận văn về ngôn ngữ). Cụ thể: <i>Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, Văn học nước ngoài, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật</i>	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo	Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác	<b>6 môn/ 12 tín chỉ</b>  1. Một số vấn đề về loại hình học ngôn ngữ 2.Ngôn ngữ và tư duy 3.Một số vấn đề ngôn ngữ học ứng dụng. 4.Các vấn đề thời sự trong ngữ pháp học 5.Các vấn đề thời sự trong ngữ nghĩa học

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5)	Yêu cầu khác (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
				<p><i>Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.</i></p> <p>+ Các ngành: <i>Hán Nôm, Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Văn học, Nhân học (có luận văn về Nhân học ngôn ngữ); Văn học so sánh, Sự phạm ngữ văn, Phương pháp dạy học văn và tiếng Việt, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng.</i></p>	<p>đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p>	<p>già của tối thiểu 01 công bố khoa học.</p>	<p>6.Các vấn đề thời sự trong ngữ dụng học</p>
18	9229020.03	Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu	<p>Các ngành: <i>Ngôn ngữ học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng.</i></p>	<p>+ Các ngành trong nhóm ngành: <i>Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, Khu vực học (có luận văn về ngôn ngữ). Cụ thể: Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, Văn học nước ngoài, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.</i></p> <p>+ Các ngành: <i>Hán Nôm, Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Văn học, Nhân học (có luận văn về Nhân học ngôn ngữ); Văn học so sánh, Sự phạm ngữ văn, Phương pháp dạy học văn và tiếng Việt, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng.</i></p>	<p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p>	<p>Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học.</p>	<p><b>6 môn/ 12 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Một số vấn đề về loại hình học ngôn ngữ</li> <li>Ngôn ngữ và tư duy</li> <li>Một số vấn đề ngôn ngữ học ứng dụng.</li> <li>Các vấn đề thời sự trong ngữ pháp học</li> <li>Các vấn đề thời sự trong ngữ nghĩa học</li> <li>Các vấn đề thời sự trong ngữ dụng học</li> </ol>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5)	Yêu cầu khác (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
19	9229020.04	Ngôn ngữ Việt Nam	Các ngành: <i>Ngôn ngữ học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ học so sánh – đối chiếu, Ngôn ngữ học ứng dụng.</i>	+ Các ngành trong nhóm ngành: <i>Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài, Khu vực học (có luận văn về ngôn ngữ). Cụ thể: Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, Văn học nước ngoài, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học.</i> + Các ngành: <i>Hán Nôm, Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Văn học, Nhân học (có luận văn về Nhân học ngôn ngữ); Văn học so sánh, Sư phạm ngữ văn, Phương pháp dạy học văn và tiếng Việt, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng.</i>	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học.	<b>6 môn/ 12 tín chỉ</b>  1. Một số vấn đề về loại hình học ngôn ngữ 2. Ngôn ngữ và tư duy 3. Một số vấn đề ngôn ngữ học ứng dụng. 4. Các vấn đề thời sự trong ngữ pháp học 5. Các vấn đề thời sự trong ngữ nghĩa học 6. Các vấn đề thời sự trong ngữ dụng học
20	9310302	Nhân học	Các ngành: <i>Nhân học, Dân tộc học.</i>	<i>Triết học, Tôn giáo học, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Văn học, Văn học dân gian, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Xã hội học, Chính trị học, Tâm lý học, Quan hệ quốc tế, Phát triển bền vững, Phát triển con người, Quyền con người, Địa lý học, Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Việt</i>	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo	Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác	<b>4 môn/ 12 tín chỉ</b>  1. Nhân học đại cương 2. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam 3. Một số vấn đề lịch sử và lý thuyết nhân học 4. Một số vấn đề nâng cao trong nghiên cứu nhân học

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5)	Yêu cầu khác (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
				<p><i>Nam học, Báo chí học, Quan hệ công chúng, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý khoa học và công nghệ, Bảo tàng học, Công tác xã hội, Y tế công cộng, Du lịch.</i></p>	<p>đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p>	<p>già của tối thiểu 01 công bố khoa học.</p>	
21	9310601.01	Quan hệ quốc tế	<p>- Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Quốc tế học. Cụ thể: <i>Quốc tế học, Châu Á học, Đông phương học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Đông Nam Á học, Việt Nam học</i> -- Ngành: <i>Quan hệ quốc tế.</i></p>	<p>+ Ngành trong nhóm ngành: Báo chí và truyền thông. Cụ thể: <i>Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng</i> + Các ngành: <i>Lịch sử thế giới; Luật quốc tế; Chính trị học; Kinh tế học, Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Văn hoá học; Chính sách công; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung Quốc.</i></p>	<p>Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.</p>	<p>- Các ngành cần có ít nhất 01 năm công tác trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng: <i>Tình báo an ninh; An ninh phi truyền thống; Nghệ thuật quân sự; Lịch sử nghệ thuật quân sự; Chiến lược quân sự; Chiến lược quốc phòng; Tình báo quân sự</i> - Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học.</p>	<p><b>Học phần bắt buộc:</b> <b>3 môn/9 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lý thuyết quan hệ quốc tế</li> <li>2. Quan hệ quốc tế sau chiến tranh lạnh</li> <li>3. Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế nâng cao</li> </ol> <p><b>Học phần tự chọn</b> <b>1 môn / 3 tín chỉ</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>4. Quan hệ đối ngoại của Việt Nam thời kỳ Đổi mới</li> <li>5. An ninh và xung đột trong quan hệ quốc tế</li> </ol>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5)	Yêu cầu khác (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
22	9340412	Quản lý Khoa học và Công nghệ	Gồm các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Quản lý Khoa học và Công nghệ. Cụ thể: <i>Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp</i>	+ Các ngành: <i>Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản lý giáo dục, Quản trị kinh doanh, Chính trị học, Quản lý kinh tế, Khoa học môi trường, Công nghệ thông tin, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sinh học, Thông tin học, Quản lý công nghệ thông tin, Công nghệ vật liệu, dệt may, Quản trị nhân lực.</i>	Tất cả các ngành còn lại	Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học.	<b>Đối tượng cột (4)</b> <b>3 môn/ 10 tín chỉ</b> 1. Phân tích chính sách khoa học và công nghệ 2. Quản lý Sở hữu Trí tuệ 3. Phương pháp luận khoa học và công nghệ  <b>Đối tượng cột (5)</b> <b>4 môn/ 13 tín chỉ</b> 1. Phân tích chính sách khoa học và công nghệ 2. Quản lý Sở hữu Trí tuệ 3. Phương pháp luận khoa học và công nghệ 4. Xã hội học khoa học, công nghệ và môi trường
23	9310401	Tâm lý học	Các ngành: <i>Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục.</i>	+ Các ngành: <i>Công tác xã hội, Xã hội học, Quản lý giáo dục, Giáo dục đặc biệt.</i>	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện	Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học.	<b>Các học phần bắt buộc</b> <b>2 môn/ 6 tín chỉ</b> 1. Thiết kế nghiên cứu trong tâm lý học 2. Tổng quan tài liệu  <b>Các học phần tự chọn</b> <b>1 môn/ 3 tín chỉ</b> 1. Đạo đức nghề tâm lý 2. Tâm lý học xuyên văn hóa 3. Kỹ năng tham vấn 4. Tâm lý học xã hội ứng dụng



TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5)	Yêu cầu khác (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
					hành.chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.		5.Động thái nhóm và lãnh đạo 6.Sự phát triển tư duy và ngôn ngữ trẻ em 7.Tâm lí học quản lý nhân sự
24	9229009	Tôn giáo học	Các ngành: <i>Tôn giáo học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Triết học, Giáo dục chính trị</i>	Các ngành: <i>Tâm lý học, Gia đình học, Xã hội học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Khoa học Quản lý, Hán Nôm, Nhân học, Quản lý Nhà nước, Lịch sử, Quan hệ quốc tế, Chính trị học, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam, Việt Nam học, Luật, Ngôn ngữ học, Châu Á học, Báo chí, Trung Quốc học, Du lịch học, Đông Nam Á học, Đông phương học, Nhật Bản học, Văn hóa học, Hàn Quốc học, Quản lý văn hóa</i>	Tất cả các ngành còn lại	Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học.	<p><b>- Đối tượng cột (4):</b> <b>4 môn/12 tín chỉ</b></p> <p>1. Chủ nghĩa Mác - Lênin, 2.Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của ĐCS Việt Nam về Tôn giáo 3.Tôn giáo, văn hóa và đời sống xã hội 4.Phương pháp và cách tiếp cận nghiên cứu tôn giáo Quản lý Nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay</p> <p><b>- Đối tượng cột (5):</b> <b>5 môn/15 tín chỉ</b> <b>Học phần bắt buộc</b></p> <p>1. Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của ĐCS Việt Nam về Tôn giáo 2.Tôn giáo, văn hóa và đời sống xã hội 3. Phương pháp và cách tiếp cận nghiên cứu tôn giáo 4.Quản lý Nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay 5.Tín ngưỡng, tôn giáo khu vực Đông Nam Á</p>

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5)	Yêu cầu khác (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
							<b>Học phần tự chọn</b> 1.Nguồn lực tôn giáo và phát huy nguồn lực tôn giáo ở Việt Nam 2.Tôn giáo mới trong bối cảnh toàn cầu 3.Thực hành nghiệp vụ Công tác tôn giáo ở Việt Nam
25	9229001	Triết học	Các ngành: <i>Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học.</i>	+ Các ngành trong nhóm ngành Khác của lĩnh vực nhân văn. Cụ thể: <i>Lịch sử thế giới, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Khảo cổ học, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn học so sánh, Văn hóa học, Văn hóa dân gian, Quản lý văn hóa, Văn hóa so sánh.</i> + Các ngành: <i>Nhân học, Khoa học quản lý, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Kinh tế chính trị, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Quản lý nhà nước, Giáo dục công dân, Giáo dục Chính trị, Giáo dục học, Quản lý Giáo dục, Xã hội học, Tâm lý học, Lịch sử, Quốc tế học, Quan hệ quốc tế, Châu Á học, Đông Phương học, Việt Nam học.</i>	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học.	<b>6 môn/15 tín chỉ</b> 1. Thế giới quan, Phương pháp luận và Phương pháp nghiên cứu triết học 2.Chủ nghĩa xã hội và vấn đề quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.Tư tưởng triết học Việt Nam: Truyền thống và hiện đại 4.Triết học về con người trong cách mạng khoa học - công nghệ 5.Kinh điển Tam giáo 6.Nhà nước pháp quyền: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn
26	9310608.01	Trung Quốc học	Các ngành/chuyên ngành: <i>Đông phương học, Ngôn ngữ Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Châu Á học; Quốc tế học, Trung Quốc học</i>	+ Ngành trong nhóm ngành Du lịch. Cụ thể: <i>Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành</i> + Các ngành: <i>Văn học nước ngoài, Kinh tế quốc tế, Chính trị học, Quan hệ quốc tế, Lịch sử thế giới, Tôn giáo học, Hán Nôm, Xã hội học, Nhân học; Thí</i>	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với	- Đối tượng cột (4) cần có tối thiểu 1 năm trong lĩnh vực liên quan đến Trung Quốc - Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ	<b>3 môn/9 tín chỉ</b> 1.Phương pháp luận nghiên cứu châu Á 2.Chính trị và quan hệ quốc tế khu vực châu Á 3.Các vấn đề xã hội châu Á

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5)	Yêu cầu khác (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
				<i>sinh có bằng thạc sĩ tại Trung Quốc những ngành còn lại.</i>	ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học	
27	9229030.02	Văn học dân gian	Các ngành/chuyên ngành: <i>Văn học, Văn học dân gian</i>	Các ngành: <i>Văn học Việt Nam, Hán Nôm, Lý luận văn học, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, Văn hóa dân gian, Văn học nước ngoài, Văn học so sánh, Việt Nam học, Nhân học, Dân tộc học.</i>	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành. chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	- Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học	<b>4 môn/8 tín chỉ</b>  1. Nghiên cứu văn học dân gian theo loại hình học 2. Nghiên cứu văn học dân gian từ góc nhìn văn hóa 3. Các vấn đề hiện đại và đương đại của Folklore 4. Nghiên cứu Folklore theo tiến trình lịch sử
28	9229030.03	Văn học nước ngoài	Các ngành/chuyên ngành: <i>Văn học, Văn học nước ngoài</i>	+ Các ngành: <i>Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Pháp; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Đức; Ngôn ngữ Nhật; Ngôn ngữ Hàn Quốc; Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu; Văn học Việt Nam; Văn học dân gian; Lý luận văn học; Văn học so sánh; Châu Á học; Đông phương học; Trung Quốc</i>	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo	- Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là	<b>4 môn/8 tín chỉ</b>  1. Lịch sử phê bình văn học phương Tây 2. Tiểu thuyết Trung Quốc thời kỳ đổi mới 3. Tiểu thuyết cổ điển Nga - những vấn đề thi pháp thể loại

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5)	Yêu cầu khác (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
				<i>học; Nhật Bản học; Đông Nam Á học; Việt Nam học.</i>	đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học	4.Mỹ học cổ điển Ấn Độ và ảnh hưởng đối với Việt Nam
29	9229030.04	Văn học Việt Nam	Các ngành/chuyên ngành: <i>Văn học; Văn học Việt Nam</i>	+ Các ngành: <i>Lý luận văn học; Văn học dân gian; Văn học nước ngoài; Văn học so sánh; Việt Nam học; Hán Nôm; Ngôn ngữ Việt Nam; Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam.</i>	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	- Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học	<b>4 môn/8 tín chỉ</b> 1.Bản sắc Việt Nam qua giao lưu văn học 2.Văn học trung đại Việt Nam - tiếp cận từ góc nhìn văn hoá 3.Loại hình học tác giả văn học trong văn học trung đại Việt Nam 4.Các vấn đề đương đại của văn học Việt Nam
30	9310301	Xã hội học	Các ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Xã hội học và Nhân học. Cụ thể: <i>Xã hội học, Nhân học</i>	+ Các ngành trong nhóm ngành: Quản trị - Quản lý, Công tác xã hội, Tâm lý học, Báo chí – Truyền thông, Khoa học Giáo dục. Cụ thể: <i>Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Công tác xã hội, Tâm lý học, Tâm lý học lâm sàng, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng, Giáo dục học, Lý luận và phương pháp dạy</i>	Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.chương trình đào tạo và các quy định hiện hành.	- Đối tượng cột (4) cần có tối thiểu 1 năm trong lĩnh vực liên quan đến Trung Quốc - Thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc thí sinh dự tuyển từ cử nhân thì phải là	<b>4 môn/ 14 tín chỉ</b> 1. Nhập môn xã hội học 2. Lý thuyết xã hội học 3. Phương pháp nghiên cứu xã hội học 4. Chính sách xã hội

TT	Mã ngành đào tạo (1)	Chuyên ngành đào tạo thí sinh đăng ký dự tuyển (2)	Danh mục ngành đúng/ngành phù hợp 1 được dự thi ngay (không phải học BTKT) (3)	Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (4)	Danh mục ngành phù hợp 3 và ngành phù hợp khác phải học bổ túc kiến thức trước khi đăng ký dự thi (5)	Yêu cầu khác (nếu có) (6)	Số môn học/thời lượng/nội dung học bổ túc kiến thức (7)
				<p><i>học, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn, Giáo dục và phát triển cộng đồng, Quản lý giáo dục, Đo lường và đánh giá trong giáo dục, Thiết kế phương tiện giáo dục, giảng dạy, Giáo dục quốc tế và so sánh, Giáo dục đặc biệt.</i></p> <p>+ Các ngành: <i>Triết học, Văn hóa học, Tôn giáo học, Gia đình học, Luật, Đông phương học, Việt Nam học.</i></p>	trình đào tạo và các quy định hiện hành.	tác giả hoặc đồng tác giả của tối thiểu 01 công bố khoa học	

**Phụ lục 3 – Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ tiếng Việt được công nhận trong tuyển sinh thạc sĩ, tiến sĩ tại ĐHQGHN**

<b>STT</b>	<b>Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận</b>
1.	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
2.	Trường Đại học Quảng Nam, tỉnh Quảng Nam
3.	Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên - Huế
4.	Trường Đại học ngoại ngữ, Đại học Huế
5.	Trường Đại học Cửu Long, tỉnh Vĩnh Long
6.	Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên
7.	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
8.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9.	Trường Hữu Nghị 80
10.	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên
11.	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng
12.	Trường Hữu Nghị T78
13.	Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng
14.	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM
15.	Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An
16.	Trường Đại học Hạ Long
17.	Trường Cao đẳng Sơn La

Dán ảnh cỡ  
4x6

Attach your  
photo size 4x6

**PHIẾU ĐĂNG KÍ**  
**DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI HỌC TẬP TẠI VIỆT NAM**  
**APPLICATION FORM**  
**FOR INTERNATIONAL APPLICANTS TO STUDY IN VIETNAM**

*Điền đầy đủ thông tin vào chỗ trống hoặc đánh dấu (✓) vào các ô tương ứng. Ghi họ tên bằng chữ in hoa. Please fill in the blanks or tick (✓) appropriate boxes. Write your full name in **BLOCK** letters.*

1	Họ/Family name .....	Tên đệm/Middle name .....	Tên/First name .....
2	Ngày sinh/Date of birth:	Ngày/Day. .... tháng/month .... năm/year. ....	
3	Giới tính/Gender:	<input type="checkbox"/> Nam/Male	<input type="checkbox"/> Nữ/Female
4	Nơi sinh/Place of birth:	Thành phố/City. .... Nước/Country. ....	
5	Quốc tịch/Nationality:	.....	
6	Nghề nghiệp/Occupation:	.....	
7	Tôn giáo/Religion:	.....	
8	Hộ chiếu/Passport:	Số/Number .....	Nơi cấp/Place of issue .....
		Ngày cấp/Date of issue .....	Ngày hết hạn/Expiry date .....
9	Tình trạng hôn nhân/ Marital status:	<input type="checkbox"/> Độc thân/Single <input type="checkbox"/> Đã kết hôn/Married <input type="checkbox"/> Ly dị/Divorced	
10	Tiếng mẹ đẻ/ Native language:	.....	
11	Địa chỉ liên hệ trong nước/ Home country contact address:	.....	
12	Điện thoại nhà riêng trong nước/ Email: Home phone number in your home country/Email:	.....	
13	Người liên hệ khi cần báo tin ở trong nước/ Contact person in your home country in case of emergency:		
	Họ tên/Full name .....		Quan hệ/Relationship .....
	Địa chỉ nơi ở/Residential address .....		Nơi làm việc/Place of work .....
	Điện thoại/Phone number .....		Email .....

14	Quá trình học tập/Educational background:			
	Năm học Academic year	Cơ sở đào tạo Institution	Ngành học Field of Study	Văn bằng, chứng chỉ Qualifications
	.....	.....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....
15	Quá trình công tác/Employment record:			
	15.1 Cơ quan công tác/Employer:		.....	
	Thời gian công tác/ Time of employment:		Từ/From: tháng/month. .... năm/year. .... Đến/To: tháng/month. .... năm/year. ....	
	Vị trí công tác/Job Title:		.....	
	Mô tả công việc/Job Description:		.....	
	15.2 Cơ quan công tác/Employer:		.....	
	Thời gian công tác/ Time of employment:		Từ/From: tháng/month. .... năm/year. .... Đến/To: tháng/month. .... năm/year. ....	
	Vị trí công tác/Job Title:		.....	
	Mô tả công việc/Job Description:		.....	
16	Tự đánh giá trình độ tiếng Việt/Self assessed Vietnamese language proficiency:			
	<input type="checkbox"/> Không biết tiếng Việt/Zero Vietnamese proficiency <input type="checkbox"/> Biết tiếng Việt /Some Vietnamese Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column:		<input type="checkbox"/> Sơ cấp/Elementary <input type="checkbox"/> Trung cấp/Intermediate <input type="checkbox"/> Cao cấp/Advanced	
	Nếu bạn đã học ở Việt Nam bằng tiếng Việt, hãy điền các thông tin dưới đây/If you have studied in Vietnam in Vietnamese, complete all following required information:			
	Tên các trường đã học/ Names of institutions attended:		..... .. ..... ..	
	Tổng thời gian đã học/ Total length of study:		..... giờ/hours ..... tháng/months . . . . năm/years	
	Chứng nhận trình độ tiếng Việt/ Certificate of Vietnamese language proficiency:		<input type="checkbox"/> Không/No <input type="checkbox"/> Có/Yes      Trình độ/Level: .....	
Loại văn bằng tốt nghiệp đã được cấp/Types of qualifications awarded:		<input type="checkbox"/> THPT/High school <input type="checkbox"/> Cao đẳng/College <input type="checkbox"/> Đại học/Bachelor <input type="checkbox"/> Thạc sĩ/Master <input type="checkbox"/> Tiến sĩ/Doctor		



17	Trình độ tiếng Anh/English Language Proficiency:		
	<input type="checkbox"/> Không biết tiếng Anh/Zero English proficiency <input type="checkbox"/> Biết tiếng Anh/Some English Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column:	<input type="checkbox"/> Sơ cấp/Elementary <input type="checkbox"/> Trung cấp/Intermediate <input type="checkbox"/> Cao cấp/Advanced	
18	Ngoại ngữ khác/Other foreign languages: ..... Trình độ/Level: ..... ..... Trình độ/Level: .....		
19	Khóa học đăng kí/Proposed Study Program: <input type="checkbox"/> Đại học/Bachelor <input type="checkbox"/> Thạc sĩ/Master <input type="checkbox"/> Tiến sĩ/PhD <input type="checkbox"/> Trao đổi ngắn hạn/Exchange course		
20	Ngành/chuyên ngành đào tạo đăng kí/Proposed field of study: .....		
21	Thời gian học đăng kí/Proposed period of study: Từ/From: . . . . . ngày/day . . . . . tháng/month. . . . . năm/year. Đến/To: . . . . . ngày/day . . . . . tháng/month. . . . . năm/year.		
22	Đơn vị đào tạo đăng kí/Proposed educational institution for study/research: ..... .....		
23	Ngôn ngữ đăng kí sử dụng cho khóa học/Proposed language medium for study: <input type="checkbox"/> Tiếng Việt/Vietnamese <input type="checkbox"/> Tiếng Anh/English <input type="checkbox"/> Ngôn ngữ khác/Other language: .....		
24	Thành viên trong gia đình đang ở Việt Nam (nếu có)/Your family members living in Vietnam (if any):		
	Họ tên/Full name 1. .... 2. ....	Quan hệ/Relationship ..... ..... .....	Địa chỉ/Address ..... .....
25	Chi phí trong thời gian học tập tại Việt Nam/Source of funding for your study in Vietnam: <input type="checkbox"/> Học bổng Chính phủ Việt Nam/Vietnamese Government Scholarship <input type="checkbox"/> Học bổng khác/Other Scholarship <input type="checkbox"/> Tự túc kinh phí/Self-funding		
26	<p><b>Tôi, người kí tên dưới đây, xin cam đoan</b> tất cả thông tin tôi ghi trong Phiếu đăng kí này là hoàn toàn trung thực và chính xác. Tôi xin cam kết tuân thủ Pháp luật của Việt Nam, Quy chế quản lí lưu học sinh nước ngoài học tập tại Việt Nam và nội quy, quy định của cơ sở đào tạo, cơ sở nội trú trong suốt thời gian lưu học tại Việt Nam.</p> <p><b>I, the undersigned, hereby acknowledge</b> that all the information on this Application Form is true and correct to the best of my knowledge. I hereby undertake to comply strictly with all the laws and the regulations of the Vietnamese Government, all</p>		

	regulations applicable to international students studying in Vietnam, all regulations of the educational institutions and accommodation providers throughout my stay in Vietnam.
--	--

Ngày/Day .....tháng/month ..... năm/year .....

**Kí tên/Applicant's signature:** .....